

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế quận Kiến An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu: Mua sắm hóa chất xét nghiệm phục vụ hoạt động thường xuyên 2025-2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế quận Kiến An.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Ông: Vũ Hồng Ngọc Hưng - Trưởng khoa Dược, Trang thiết bị, Vật tư y tế.
 - Số điện thoại: 094 111 4668
 - Địa chỉ email: hung.ttytka@gmail.com.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược, Trang thiết bị, Vật tư y tế; Trung tâm Y tế quận Kiến An (Số 360 Trần Thành Ngọ, phường Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng);
 - Nhận qua email: hung.ttytka@gmail.com;
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 22 tháng 01 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 04 tháng 02 năm 2025.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hóa chất xét nghiệm dự kiến mua sắm.
(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm).
- Địa điểm cung cấp: Khoa Dược, Trang thiết bị, Vật tư y tế; Trung tâm Y tế quận Kiến An (Số 360 Trần Thành Ngọ, phường Trần Thành Ngọ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng).
- Thời gian giao hàng dự kiến: Bắt đầu từ Quý I năm 2025.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Điều kiện tạm ứng: Không.
 - Điều kiện thanh toán: Theo tiến độ giao hàng, sau khi nhận đầy đủ chứng từ.

PHỤ LỤC I
DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DỰ KIẾN MUA SẮM
 (Kèm theo Công văn số 1717/T-TMS ngày 21/01/2025 của Trung tâm Y tế quận Kiến An)

STT	Mã HC	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
I. Hóa chất cho máy xét nghiệm huyết học Horiba ABX Micros ES 60 (01)					
1	HH1.01	Dung dịch rửa cho máy xét nghiệm huyết học	- Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% + Enzym thủy phân protein (Proteolytic enzyme) < 1% + Chất bảo quản (Preservative) < 1% - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - Hộp tối thiểu 1 lít	Hộp	21
2	HH1.02	Dung dịch pha loãng cho máy xét nghiệm huyết học	- Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% + Chất bảo quản (Preservative) < 0,1% - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - Hộp tối thiểu 10 lít	Hộp	23
3	HH1.03	Dung dịch ly giải cho máy xét nghiệm huyết học	- Thành phần: + Chất ly giải (Lysing agent) < 0,1% + Chất tẩy rửa (Detergent) < 5% - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - Hộp tối thiểu 1 lít	Hộp	8
II. Hóa chất cho máy xét nghiệm huyết học Horiba ABX Micros ES 60 (02)					
4	HH2.01	Hoá chất rửa thường quy dùng cho máy huyết học	- Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 0,5% + Muối natri (Sodium salts) < 2,0% + Enzym thủy phân protein (Proteolytic enzyme) < 0,5% + Chất bảo quản (Preservative) < 0,05% - Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 hoặc tương đương - Hộp tối thiểu 1 lít	Hộp	31
5	HH2.02	Hoá chất pha loãng dùng cho máy huyết học	- Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 0,1% + Muối natri (Sodium salts) < 1,0% + Natrium azide < 0,05% - Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 hoặc tương đương - Hộp tối thiểu 20 lít	Hộp	
6	HH2.03	Hoá chất ly giải hồng cầu, giải phóng HGB.	- Thành phần: + Muối Amoni (Ammonium salts) < 3,0% + Kali cyanid (Potassium cyanide) < 0,05% - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO13485 hoặc tương đương - Hộp tối thiểu 1 lít	Hộp	16
III. Hóa chất cho máy xét nghiệm sinh hóa Tokyo Boeki Biolis 24i Premium					
7	SH.01	Cholesterol	- Thành phần: + CHE ≥ 100 U/l + CHOD ≥ 100 U/l + POD ≥ 1000 U/l + 4-AP: 0,2 mmol/l + Good: 50 mmol/l + Phenol: 15 mmol/l + Sodium cholate: 0,2 mmol/l - Độ tái lập (Reproducibility): ≤ 3,49% - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Hộp tối thiểu 160 mL (4x40ml)	Hộp	83
8	SH.02	Creatinine	- Thành phần: A. Reagent A: + Picric acid: 12,7 mmol/l + Sodium lauryl sulphate solution: 8,4 mmol/l B. Reagent B: + Borate: 53 mmol/l + Sodium hydroxide solution: 970 mmol/l - Giới hạn phát hiện (Detection limit) ≤ 4,5 mg/l - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Hộp tối thiểu 250ml (2x100ml + 2x25ml)	Hộp	8

STT	Mã HC	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
9	SH.03	Glucose	- Thành phần: + GOD (microbial) ≥ 10 kU/l + POD (horse-radish) ≥ 1 kU/l + 4-AP: 0,5 mmol + Phosphate: 100 mmol; pH 7,0 + Hydroxybenzoate: 12 mmol - Độ lặp lại (Intra-assay precision) $\leq 1,39\%$ - Độ tái lập (Inter-assay precision) $\leq 1,92\%$ - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Hộp tối thiểu 160ml (4x40ml)	Hộp	156
10	SH.04	GOT (ASAT)	- Thành phần: + L-Aspartate 200 mmol/l + NADH 0,18 mmol/l + MDH ≥ 400 U/l + LDH ≥ 600 U/l + 2-Oxoglutarate 12 mmol/l - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Hộp tối thiểu 200ml (4x40ml + 1x40ml)	Hộp	57
11	SH.05	GPT (ALAT)	- Thành phần: A. Reagent A: + L-Alanine 500 mmol/l B. Reagent B: + NADH 0,18 mmol/l + LDH $\geq 1,5$ U/l + 2-Oxoglutarate 15 mmol/l - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Hộp tối thiểu 200ml (4x40ml + 1x40ml)	Hộp	55
12	SH.06	Triglycerides	- Thành phần: + GK ≥ 500 U/l + GPO ≥ 1500 U/l + POD ≥ 900 U/l + ATP 2 mol/l + 4-AP 0,4 mmol/l - Độ tái lập (Reproducibility) $\leq 0,5\%$ - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Hộp tối thiểu 160ml (4x40ml)	Hộp	78
13	SH.07	Urea	- Thành phần: A. Reagent A: + Good buffer 250 mmol/l + 2-Oxoglutarate 7,5 mmol/l + Urease (Jack bean) ≥ 5.000 U/l + GLDH (microbial) ≥ 800 U/l B. Reagent B: + NADH 0,28 mmol/l - Độ tái lập (Inter-assay precision): CV $\leq 2,36\%$ - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Hộp tối thiểu 100ml (4x20ml + 2x10ml)	Hộp	26
14	SH.08	Uric Acid	- Thành phần: A. Reagent A: + UOD >200 U/l + POD >1000 U/l + 4-AP 0,1 mmol/l + Potassium ferrocyanide 6 μmol/l B. Reagent B: - Sulfonic dichlorohydroxybenzene (SDH) in phosphates buffer solution pH 7,4. SDH 2.0 mmol/l - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Hộp tối thiểu 100ml (4x20ml + 2x10ml)	Hộp	8
15	SH.09	Chất kiểm chuẩn đa giá trị cho xét nghiệm sinh hóa	- Thành phần: Huyết thanh đông khô 2 mức giá trị kiểm chuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Bộ tối thiểu gồm (1x5ml Nivel 1 + 1x5ml Nivel 2)	Bộ	5

STT	Mã HC	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
16	SH.10	Chất hiệu chuẩn đa giá trị cho xét nghiệm sinh hóa	- Thành phần: Huyết thanh đông khô - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Lọ tối thiểu 3ml	Lọ	5
IV. Hóa chất cho máy xét nghiệm nước tiểu Siemens Clintek Status					
17	NT.01	Que thử nước tiểu	- Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: + Protein: 15-30mg/dL albumin + Blood: 0,015-0,062mg/dL hemoglobin + Leukocyte: 5-15 + Nitrite: 0,06-0,1mg/dL nitrite ion + Glucose: 75-125mg/dL + Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid + pH: 4,6- 8,0 + SG: 1,001-1,035 + Bilirubin: 0,4-0,8mg/dL + Urobilinogen: 0,2EU/dL - Test thử có miếng dán (ID band) có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. - Hộp tối thiểu 100 test	Hộp	348
Tổng cộng: 17 hóa chất					



PHỤ LỤC II
Mẫu báo giá
Áp dụng đối với gói thầu mua sắm thiết bị y tế
BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
 (Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

